

**CUỘC THI “Ý TƯỞNG KHỞI NGHIỆP
HỌC SINH, SINH VIÊN GIÁO DỤC NGHIỆP”
NĂM 2024**



SẢN PHẨM THỦ CÔNG XƠ MƯỚP

Lĩnh vực: Sản phẩm handmade



Đơn vị dự thi : Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 08 /2024

MỤC LỤC

I. TÊN NHÓM/CÁ NHÂN DỰ THI	3
II. TÓM TẮT DỰ ÁN	3
1. Ý tưởng dự án sản phẩm thủ công len xơ mướp	3
2. Mô tả sản phẩm/dịch vụ, giá trị của dự án:	4
2.2. Dép thủ công từ xơ mướp kết hợp vải thổ cẩm	5
2.3. Túi xơ mướp	6
3. Mục tiêu dự án:	6
4. Thị trường mục tiêu:	7
5. Đối thủ cạnh tranh và điểm khác biệt của dự án:	7
BÀI THUYẾT MINH DỰ ÁN	9
1. Giai đoạn của dự án:	9
2. Mô tả sản phẩm	9
2.1. Dép thủ công từ xơ mướp kết hợp sợi len	11
2.2. Dép thủ công từ xơ mướp kết hợp vải thổ cẩm	12
2.3. Túi xơ mướp	12
3. Thuyết minh về mô hình kinh doanh	13
3.1. Lợi ích của người tiêu dùng	13
3.2. Khách hàng tiềm năng:	13
3.3. Kênh phân phối sản phẩm:	13
3.4. Triển khai sản xuất	13
3.5. Chuẩn bị nguồn nhân lực	14
3.6. Nguồn nguyên liệu:	14
3.7. Cơ cấu chi phí:	14
3.7.1. Chi phí đầu tư ban đầu:	14
3.7.2. Chi phí đầu tư sản phẩm:	15
3.7.3. Lương nhân viên dự kiến	16
3.7.4. Kế hoạch khấu hao	17
3.7.5. Doanh thu dự kiến	19
3.7.6. Kết quả kinh doanh	21
3.8. Tự đánh giá tác động của dự án:	24
3.9. Chiến lược phát triển:	24
KẾT LUẬN	26

I. TÊN NHÓM/CÁ NHÂN DỰ THI

1. Họ và tên (trưởng nhóm dự án): Nguyễn Ngọc Thùy Vân
2. Số điện thoại: 0814220907
3. Địa chỉ Email: Lilturtlenamedtvan@gmail.com
4. Danh sách thành viên trong nhóm

Họ và tên	Năm thứ	Chuyên ngành	Kinh nghiệm, sở trường cho dự án	Số điện thoại	Nhiệm vụ
Nguyễn Ngọc Thùy Vân	2	Công nghệ may	Marketing, lập kế hoạch kinh doanh	0814220907	Trưởng nhóm
Nguyễn Đoàn Vân Khánh	2	Công nghệ may	Thiết kế rập, Triển khai kế hoạch sản xuất	0896874286	Thành viên

5. Giảng viên hướng dẫn

- Trần Hồng Thảo. Số điện thoại: 0855577356

II. TÓM TẮT DỰ ÁN

1. Ý tưởng dự án sản phẩm thủ công xơ mướp

Ngày nay, tiêu dùng trong xã hội hiện đại không chỉ đặt ra những yêu cầu về chất lượng, công dụng, giá thành mà còn đòi hỏi tính bền vững và thân thiện với môi trường trong từng sản phẩm. Từ đây, "sản phẩm thân thiện với môi trường" được nhiều người ưu tiên sử dụng, hướng đến việc bảo vệ sức khỏe cho chính bản thân, gia đình và góp phần gìn giữ các nguồn tài nguyên cũng như môi trường sạch đẹp cho thế hệ tương lai.

Theo đó, việc hạn chế sử dụng các sản phẩm dùng một lần hoặc các chế phẩm từ nhựa cũng trở thành một phần của lối sống bền vững. Thú vị hơn, các sản phẩm thân thiện với môi trường còn trở thành một tín hiệu cho sự văn minh, sành điệu, và giúp lan tỏa thông điệp bảo vệ môi trường theo cách thiết thực hơn.

Qua tìm hiểu thị trường “Xơ mướp” là nguyên liệu làm đẹp vừa rẻ, vừa thân thiện với môi trường và không sợ bị dị ứng. Vì vậy, nhóm tiến hành lên ý tưởng làm những sản phẩm thủ công kết hợp với sợi len và vải thổ cẩm tạo ra những sản phẩm vừa đẹp vừa thân thiện môi trường với những sản phẩm như: Dép xơ mướp kết hợp với sợi len và vải thổ cẩm, túi len xơ mướp...

Ưu điểm của các sản phẩm từ xơ mướp đó chính là sử dụng nguyên liệu tự nhiên, dễ phân hủy nhưng lại rất bền trong quá trình sử dụng, có thể sử dụng làm phân bón sau khi sử dụng. Xơ mướp có đặc tính kháng khuẩn tự nhiên, không bị nấm mốc, kết cấu sợi đan xen tự nhiên, dễ định hình, rất thích hợp để làm ra rất nhiều sản phẩm phục vụ cho đời sống hàng ngày, cũng như làm ra các sản phẩm mỹ nghệ có tính ứng dụng cao.

2. Mô tả sản phẩm/dịch vụ, giá trị của dự án:

Dép len xơ mướp có tác dụng tốt nhất khi điều hòa, kích thích các huyết đạo cơ thể con người nằm dưới lòng bàn chân, giúp lưu thông máu tốt, giảm các triệu chứng đau nhức khớp. Đế Dép êm ái, chống trượt, quai dép được làm từ sợi len., thổ cẩm ...

2.1. Dép thủ công từ xơ mướp kết hợp sợi len



Xơ mướp có tính hút ẩm cao

Chất liệu sợi len vải mềm, mịn. Trong quá trình bạn sử dụng sẽ không nhăn, không gây đau rát; khó chịu cho da kể cả khi bị cọ xát. Cách nhiệt, cách điện tốt nên len

thường được dùng làm quần áo mùa đông. Len được làm từ chất liệu tự nhiên nên mang đến độ bền cao. Phù hợp với mọi loại da. Đặc biệt là da nhạy cảm

2.2. Dép thủ công từ xơ mướp kết hợp vải thổ cẩm



Sản phẩm làm từ vải thổ cẩm hoặc có họa tiết thổ cẩm đều được nhiều người yêu thích vì sự độc đáo và hấp dẫn. Ngoài ra, chất liệu vải cũng tạo được sự thoải mái khi mặc với độ thấm hút mồ hôi tốt vì chủ yếu vải được dệt từ những loại cây và sợi tự nhiên. Đi kèm với đó là khả năng thân thiện với làn da nên ngày càng được nhiều người lựa chọn

Những chất liệu vải thổ cẩm đều được dệt từ các sợi thiên nhiên. Màu nhuộm cũng là màu tự nhiên. Một sản phẩm làm từ sợi tự nhiên chỉ cần vài tháng là có thể tự phân hủy trong đất. Bên cạnh đó, sau khi phân hủy, chúng không làm ảnh hưởng đến môi trường mà còn đem lại lợi ích cho đất. Đó chính là điểm mạnh khi ngành thời trang tận dụng được các thế mạnh của chất liệu vải này. Việc nhìn thấy những tiềm năng của vải thổ cẩm không chỉ có lợi trong lĩnh vực thời trang. Nó còn góp phần giải quyết những vấn đề toàn cầu: về môi trường, về khí hậu, xu hướng tiêu dùng, sức khỏe...

2.3. Túi xơ mướp



Nhu cầu sử dụng những sản phẩm thân thiện với môi trường nhằm giảm thiểu chất thải nhựa và tạo nên tác động tích cực tới môi trường ngày một gia tăng. Để bắt kịp xu hướng này, người tiêu dùng còn có những lựa chọn nào khác bên cạnh túi len xơ mướp.

Ngày nay, tiêu dùng trong xã hội hiện đại không chỉ đặt ra những yêu cầu về chất lượng, công dụng, giá thành mà còn đòi hỏi tính bền vững và thân thiện với môi trường trong từng sản phẩm. Từ đây, "sản phẩm len xơ mướp" được nhiều người ưu tiên sử dụng, hướng đến việc bảo vệ sức khỏe cho chính bản thân, gia đình và góp phần gìn giữ các nguồn tài nguyên cũng như môi trường sạch đẹp cho thế hệ tương lai.

Theo đó, việc hạn chế sử dụng các sản phẩm dùng một lần hoặc các chế phẩm từ nhựa cũng trở thành một phần của lối sống bền vững. Thú vị hơn, các sản phẩm thân thiện với môi trường còn trở thành một tín hiệu cho sự văn minh, sành điệu, và giúp lan tỏa thông điệp bảo vệ môi trường theo cách thiết thực hơn.

3. Mục tiêu dự án:

- Tạo nên những sản phẩm thân thiện với môi trường nhằm giảm thiểu chất thải nhựa và tạo nên tác động tích cực tới môi trường. Bên cạnh đó tái chế lại dếp lảo kết hợp với sợi len nhằm khai thác thêm tính năng mới từ sản phẩm này hướng tới tạo ra những sản phẩm handmade nhằm hạn chế tối đa chất thải nhựa ra ngoài môi trường.
- Tạo hình ảnh thương hiệu khác biệt, tăng độ nhận dạng thương hiệu trên thị trường sản phẩm thủ công từ xơ mướp
- Thu hồi vốn sau 6 tháng hoạt động

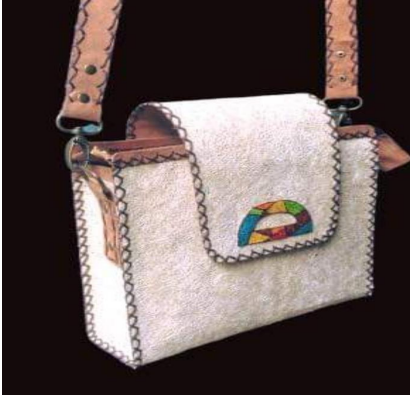
- Phát triển và hoàn thiện sản phẩm hướng tới thị trường trong nước và ngoài nước.

4. Thị trường mục tiêu:

- Tất cả các khách hàng nhiều độ tuổi khác nhau
- Những khách hàng yêu thích sản phẩm handmade
- Những khách hàng mong muốn tìm kiếm những sản phẩm an toàn cho sức khỏe.

5. Đối thủ cạnh tranh và điểm khác biệt của dự án:

- Đối thủ cạnh tranh của dự án là những sản phẩm dép xơ mướp được tạo ra và được kinh doanh trên thị trường hiện nay.

<i>Đối thủ</i>	<i>Nhóm dự án</i>
XƠ MƯỚP VI LÂM  Sản phẩm dép xơ mướp  - Giá thành sản phẩm cao - Sản phẩm đơn giản, chủ yếu chỉ nhuộm màu trang trí - Da nhạy cảm bị ngứa, nổi mẩn đỏ	LEN XƠ MƯỚP  Sản phẩm dép len xơ mướp  - Giá thành sản phẩm thấp - Sản phẩm kết hợp vẽ thủ công - Phù hợp với da bị kích ứng

- Giá trị khác biệt từ sản phẩm của dự án là:

- ✓ Mang lại sự độc đáo trong mỗi sản phẩm handmade
- ✓ Sản phẩm hoàn toàn được tạo ra từ những nguồn nguyên vật liệu thân thiện với môi trường.
- ✓ Sản phẩm an toàn cho sức khỏe của người sử dụng

BÀI THUYẾT MINH DỰ ÁN

1. Giai đoạn của dự án:

- Hoàn thiện sản phẩm, thử nghiệm, lấy ý kiến người tiêu dùng
- Dự kiến sẽ sản xuất và bán trên thị trường tháng 01 năm 2024
- Từ năm 2024, dự kiến sẽ mở workshop trao đổi kiến thức, giới thiệu sản phẩm mới, trong lĩnh vực sản phẩm len xơ mướp. Phát triển thêm sản phẩm mới.

2. Mô tả sản phẩm

Sơ lược về nguồn nguyên liệu chính từ thiên nhiên để sản xuất ra những sản phẩm thân thiện với môi trường:

Xơ mướp:

- * Xơ mướp có đặc tính kháng khuẩn tự nhiên
- * Không bị nấm mốc
- * Thân Thiện với môi trường
- * Thấm hút mồ hôi tốt



Sợi len cotton:

- * Thân Thiện với môi trường
- * Tính Bền Chặt cao
- * Không gây kích ứng da
- * Giữ mùi thơm lâu hơn
- * Tính năng mềm mại
- * Thấm hút mồ hôi tốt



Vải thổ cẩm:



- * Làm từ tự nhiên nên vải thô cảm có sự mềm mại, thấm mồ hôi cùng sự thoáng mát. Khi mặc lên rất thoải mái và mát mẻ
- * Đa dạng họa tiết và màu sắc
- * An toàn với làn da
- * Thân thiện với môi trường

Vải nỉ:



- * Mềm mại và ấm áp
- * Độ bền cao

2.1. Dép thủ công từ xơ mướp kết hợp sợi len



Sản phẩm dép len xơ mướp được kết hợp từ sợi len tạo nên phần quai dép, phần đế dép được làm từ xơ mướp, vải nỉ, hình thức kết hợp đẹp mắt cùng khả năng thấm hút mồ hôi tốt tạo sự thông thoáng khi sử dụng sản phẩm.

Nguyên phụ liệu: Xơ mướp tự nhiên
Sợi len cotton
Keo dán dép chuyên dụng
Chỉ may
Vải nỉ

2.2. Dép thủ công từ xơ mướp kết hợp vải thổ cẩm



Sản phẩm dép thổ cẩm xơ mướp được kết hợp từ vải thổ cẩm tạo nên phần quai dép, phần đế dép được làm từ xơ mướp, vải nỉ, hình thức kết hợp đẹp mắt cùng khả năng thấm hút mồ hôi tốt tạo sự thông thoáng khi sử dụng sản phẩm.

Nguyên phụ liệu: Xơ mướp tự nhiên
Vải thổ cẩm
Keo dán dép chuyên dụng
Chỉ may
Vải nỉ

2.3. Túi xơ mướp



Sản phẩm túi xơ mướp được kết hợp từ sợi len và xơ mướp tạo nên. Sản phẩm nhẹ, thông thoáng thân thiện với môi trường, dùng đựng tư trang cá nhân, thích hợp đi chơi, dạo phố ...

Nguyên phụ liệu: Xơ mướp tự nhiên
Sợi len cotton
Keo dán túi chuyên dụng
Chỉ may
Vải nỉ

3. Thuyết minh về mô hình kinh doanh

3.1. Lợi ích của người tiêu dùng

- Sản phẩm thông dụng dễ dàng để đi trong nhà, túi dùng dạo phố hoặc sử dụng bất cứ đâu.
- Kiểu dáng mang đặc trưng riêng của từng sản phẩm, có tính sáng tạo và thời trang
- Thường xuyên cập nhật thiết kế mẫu mã mới đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng
- Những sản phẩm dự án hướng đến sức khỏe người tiêu dùng cũng như giá cả hợp lý hơn.

3.2. Khách hàng tiềm năng:

- Khách hàng hướng đến những sản phẩm thân thiện với môi trường
- Nhà máy xí nghiệp (xí nghiệp may mặc...)
- Nhân viên văn phòng (trường học...)

3.3. Kênh phân phối sản phẩm:

- Bán hàng thông qua sàn thương mại điện tử
- Bán hàng trực tiếp tại cửa hàng
- Tìm đại lý bán lẻ để phân phối sản phẩm đến tay người tiêu dùng rộng rãi hơn.
- Nghiên cứu thị trường và đối thủ cạnh tranh thực hiện chiến lược mở hệ thống bán lẻ tại khu vực TP HCM và các tỉnh thành.
- Phân phối tại các trung tâm thương mại.

3.4. Triển khai sản xuất

- Hoàn thành sản phẩm dự án
- Marketing sản phẩm
- Mở bán sản phẩm theo hệ thống kênh phân phối

3.5. Chuẩn bị nguồn nhân lực

Hiện tại dự án gồm 5 thành viên được phân bổ nhiệm vụ như sau:

- Trưởng dự án: 1 Thành viên nhóm
- Lên ý tưởng thiết kế sản phẩm: 3 Thành viên
- Phụ trách lĩnh vực kinh doanh: 1 Thành viên
- Dự kiến sẽ tuyển thêm nhân viên phụ trách mảng tiếp thị, nhân viên bán hàng, thu mua nguyên phụ liệu.

3.6. Nguồn nguyên liệu:

- Thu mua mướp khô tại vườn ông mướp Ông Nguyễn Văn Hồng (ấp 4, xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, TP.HCM)

3.7. Cơ cấu chi phí:

3.7.1. Chi phí đầu tư ban đầu:

BẢNG TÍNH CHI PHÍ ĐẦU TƯ BAN ĐẦU NĂM 2024

Đvt: đồng

STT	HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	SỐ LƯỢNG	ĐVT	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Nghiên cứu, khảo sát				60.000.000
	Đầu tư nhà xưởng sản xuất				40.000.000
	Chi phí nghiên cứu sản phẩm				20.000.000
2	Thiết bị làm việc				101.176.000
	Bàn làm việc	4	cái	374.000	1.496.000
	Ghế văn phòng	4	cái	420.000	1.680.000
	Máy vi tính	4	bộ	15.000.000	60.000.000
	Máy in	1	máy	5.000.000	5.000.000
	Máy dập thủy lực để dập	1	máy	30.000.000	30.000.000
	Máy cán sơ mướp	1	máy	3.000.000	3.000.000
3	Thiết bị an ninh, thiết bị báo cháy, chi phí khác				117.600.000
	Hệ thống camera	2		1.000.000	2.000.000
	Hệ thống báo động báo cháy...	2		1.500.000	3.000.000
	Máy lạnh	2	cái	10.000.000	20.000.000
	Đồng phục nhân viên	4	cái	150.000	600.000
	Chi phí trang trí nội thất, xây dựng mặt bằng 4x5m	40	m2	600.000	24.000.000
	Biển bạt quảng cáo, bảng hiệu				20.000.000

	Chi phí đặt cọc 2 tháng thuê mặt bằng	2	tháng	8.000.000	16.000.000
	Chi phí lắp đặt điện thoại, internet ban đầu				2.000.000
	Chi phí phát sinh khác				30.000.000
			TỔNG CỘNG:		278.776.000

Nguồn vốn cần khởi nghiệp ít nhất là: 395.776.000 đ.

3.7.2. Chi phí đầu tư sản phẩm:

❖ BẢNG ĐẦU TƯ 1 SẢN PHẨM DÉP LEN XƠ MƯỚP NĂM 2024

TT	NGUYÊN VẬT LIỆU	ĐỊNH MỨC	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)
1	Xơ mướp	2	Trái	3000	6.000
2	Len	0,2	Cuộn	12500	2.500
3	Vải nỉ 0.5cm	0,2	Mét	60000	12.000
4	Vải canvas mộc	0,3	Mét	40000	12.000
5	Keo	0,2	Hộp	15000	3.000
6	Chỉ	1	Cuộn	6000	6.000
7	Nhãn	1	Cái	500	500
8	Thẻ bài	1	Cái	1000	1.000
9	Bao bì	1	Cái	500	500
10	Màu vẽ	0,2	Hộp	95000	19.000
	TỔNG				62.500

❖ BẢNG ĐẦU TƯ 1 SẢN PHẨM DÉP THỎ CẨM XƠ MƯỚP NĂM 2024

TT	NGUYÊN VẬT LIỆU	ĐỊNH MỨC	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)
1	Xơ mướp	2	Trái	3000	6.000
2	Vải thổ cẩm	0,1	Mét	250000	25.000
3	Vải nỉ 0.5cm	0,2	Mét	60000	12.000
4	Vải canvas mộc	0,3	Mét	40000	12.000
5	Keo	0,2	Hộp	15000	3.000

6	Chỉ	1	Cuộn	6000	6.000
7	Nhãn	1	Cái	500	500
8	Thẻ bài	1	Cái	1000	1.000
9	Bao bì	1	Cái	500	500
	TỔNG				66.000

❖ **BẢNG ĐẦU TƯ 1 SẢN PHẨM TÚI XƠ MƯỚP NĂM 2024**

TT	NGUYÊN VẬT LIỆU	ĐỊNH MỨC	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)
1	Xơ mướp	5	Trái	3000	15.000
2	Len	0,2	Cuộn	12500	2.500
3	Vải ni 0.2cm	0,5	Mét	60000	30.000
4	Vải canvas mộc	0,3	Mét	40000	12.000
5	Keo	0,2	Hộp	15000	3.000
6	Chỉ	1	Cuộn	6000	6.000
7	Nhãn	1	Cái	500	500
8	Thẻ bài	1	Cái	1000	1.000
9	Bao bì	1	Cái	500	500
10	Màu vẽ	0,2	Hộp	95000	19.000
	TỔNG				89.500

➤ Dự kiến giá nguyên vật liệu năm sau tăng so với năm trước là 5%

3.7.3 Lương nhân viên dự kiến

❖ **BẢNG LƯƠNG NHÂN VIÊN DỰ KIẾN NĂM 2024**

NHÂN VIÊN	SỐ LƯỢNG	THÁNG 1/2023	THÁNG 2/2023	THÁNG 3/2023	THÁNG 4/2023	THÁNG 5/2023
Quản lý	1	15.000.000	15.000.000	15.000.000	15.000.000	15.000.000
Nhân viên kế toán	1	8.000.000	8.000.000	8.000.000	8.000.000	8.000.000
Nhân viên kỹ thuật	1	8.000.000	8.000.000	8.000.000	8.000.000	8.000.000
Nhân viên kinh doanh	1	8.000.000	8.000.000	8.000.000	8.000.000	8.000.000
TỔNG	4	39.000.000	39.000.000	39.000.000	39.000.000	39.000.000

THÁNG 6/2023	THÁNG 7/2023	THÁNG 8/2023	THÁNG 9/2023	THÁNG 10/2023	THÁNG 11/2023	THÁNG 12/2023
15.000.000	15.000.000	15.000.000	15.000.000	15.000.000	15.000.000	15.000.000
8.000.000	8.000.000	8.000.000	8.000.000	8.000.000	8.000.000	8.000.000
8.000.000	8.000.000	8.000.000	8.000.000	8.000.000	8.000.000	8.000.000
8.000.000	8.000.000	8.000.000	8.000.000	8.000.000	8.000.000	8.000.000
39.000.000	39.000.000	39.000.000	39.000.000	39.000.000	39.000.000	39.000.000

❖ BẢNG LƯƠNG NHÂN VIÊN DỰ KIẾN TỪ NĂM 2025-2029

➤ Lương năm sau tăng so với năm trước là 10%

NHÂN VIÊN	SỐ LƯỢNG	NĂM 2025	NĂM 2026	NĂM 2027	NĂM 2028	NĂM 2029
Quản lý	1	198.000.000	217.800.000	239.580.000	263.538.000	289.891.800
Nhân viên kế toán	1	105.600.000	116.160.000	127.776.000	140.553.600	154.608.960
Nhân viên kỹ thuật	2	211.200.000	232.320.000	255.552.000	281.107.200	309.217.920
Nhân viên kinh doanh	1	105.600.000	116.160.000	127.776.000	140.553.600	154.608.960
TỔNG	5	620.400.000	682.440.000	750.684.000	825.752.400	908.327.640

3.7.4 Kế hoạch khấu hao

❖ NĂM 2024

STT	Hạng Mục	Thời gian KH (năm)	THÁNG 1/2024	THÁNG 2/2024	THÁNG 3/2024	THÁNG 4/2024
1	Giá trị tài sản đầu kỳ		262.176.000	254.368.000	246.560.000	238.752.000
	Nghiên cứu, khảo sát	1	60.000.000	55.000.000	50.000.000	45.000.000
	Thiết bị làm việc	6	101.176.000	99.770.778	98.365.556	96.960.333
	Thiết bị an ninh, thiết bị báo cháy, chi phí khác	6	101.000.000	99.597.222	98.194.444	96.791.667
2	Khấu hao trong kỳ		7.808.000	7.808.000	7.808.000	7.808.000
	Nghiên cứu, khảo sát	1	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000
	Thiết bị làm việc	6	1.405.222	1.405.222	1.405.222	1.405.222
	Thiết bị an ninh, thiết bị báo cháy, chi phí khác	6	1.402.778	1.402.778	1.402.778	1.402.778
3	Giá trị tài sản cuối kỳ		254.368.000	246.560.000	238.752.000	230.944.000
	Nghiên cứu, khảo sát	1	55.000.000	50.000.000	45.000.000	40.000.000
	Thiết bị làm việc	6	99.770.778	98.365.556	96.960.333	95.555.111
	Thiết bị an ninh, thiết bị báo cháy, chi phí khác	6	99.597.222	98.194.444	96.791.667	95.388.889

THÁNG 5/2024	THÁNG 6/2024	THÁNG 7/2024	THÁNG 8/2024	THÁNG 9/2024	THÁNG 10/2024	THÁNG 11/2024	THÁNG 12/2024
230.944.000	223.136.000	215.328.000	207.520.000	199.712.000	191.904.000	184.096.000	176.288.000
40.000.000	35.000.000	30.000.000	25.000.000	20.000.000	15.000.000	10.000.000	5.000.000
95.555.111	94.149.889	92.744.667	91.339.444	89.934.222	88.529.000	87.123.778	85.718.556
95.388.889	93.986.111	92.583.333	91.180.556	89.777.778	88.375.000	86.972.222	85.569.444
7.808.000	7.808.000	7.808.000	7.808.000	7.808.000	7.808.000	7.808.000	7.808.000
5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000
1.405.222	1.405.222	1.405.222	1.405.222	1.405.222	1.405.222	1.405.222	1.405.222
1.402.778	1.402.778	1.402.778	1.402.778	1.402.778	1.402.778	1.402.778	1.402.778
223.136.000	215.328.000	207.520.000	199.712.000	191.904.000	184.096.000	176.288.000	168.480.000
35.000.000	30.000.000	25.000.000	20.000.000	15.000.000	10.000.000	5.000.000	0
94.149.889	92.744.667	91.339.444	89.934.222	88.529.000	87.123.778	85.718.556	84.313.333
93.986.111	92.583.333	91.180.556	89.777.778	88.375.000	86.972.222	85.569.444	84.166.667

❖ NĂM 2025-2029

Phương pháp: Khấu hao theo đường thẳng

STT	Hạng Mục	Thời gian KH (năm)	NĂM 2025	NĂM 2026	NĂM 2027	NĂM 2028	NĂM 2029
1	Giá trị tài sản đầu kỳ		248.480.000	214.784.000	181.088.000	147.392.000	113.696.000
	Nghiên cứu, khảo sát	1	80.000.000	80.000.000	80.000.000	80.000.000	80.000.000
	Thiết bị làm việc	5	84.313.333	67.450.667	50.588.000	33.725.333	16.862.667
	Thiết bị an ninh, thiết bị bảo cháy, chi phí khác	5	84.166.667	67.333.333	50.500.000	33.666.667	16.833.333
2	Khấu hao trong kỳ		113.696.000	113.696.000	113.696.000	113.696.000	113.696.000
	Nghiên cứu, khảo sát	1	80.000.000	80.000.000	80.000.000	80.000.000	80.000.000
	Thiết bị làm việc	5	16.862.667	16.862.667	16.862.667	16.862.667	16.862.667
	Thiết bị an ninh, thiết bị bảo cháy, chi phí khác	5	16.833.333	16.833.333	16.833.333	16.833.333	16.833.333
3	Giá trị tài sản cuối kỳ		134.784.000	101.088.000	67.392.000	33.696.000	-
	Nghiên cứu, khảo sát	1	-	-	-	-	-
	Thiết bị làm việc	5	67.450.667	50.588.000	33.725.333	16.862.667	-
	Thiết bị an ninh, thiết bị bảo cháy, chi phí khác	5	67.333.333	50.500.000	33.666.667	16.833.333	-

✎ Năm 2023 chi nghiên cứu khảo sát 60.000.000

✎ Từ năm 2024-2028, mỗi năm sẽ chi nghiên cứu khảo sát là 80.000.000

3.7.5 Doanh thu dự kiến

❖ NĂM 2024

Nội dung	THÁNG				
	THÁNG 1/2024	THÁNG 2/2024	THÁNG 3/2024	THÁNG 4/2024	THÁNG 5/2024
A. Sản phẩm dép len sơ mướp					
1. Lượng sản phẩm si bán ra	150	150	150	150	150
2. Đơn giá si	131.250	131.250	131.250	131.250	131.250
3. Lượng sản phẩm lê bán ra	90	95	99	104	109
4. Đơn giá lê	156.250	156.250	156.250	156.250	156.250
5. Doanh thu	33.750.000	34.453.125	35.191.406	35.966.602	36.780.557
B. sản phẩm dép thổ cẩm xơ mướp					
1. Lượng sản phẩm si bán ra	150	150	150	150	150
2. Đơn giá si	138.600	138.600	138.600	138.600	138.600
3. Lượng sản phẩm lê bán ra	90	95	99	104	109
4. Đơn giá lê	165.000	165.000	165.000	165.000	165.000
5. Doanh thu	35.640.000	36.382.500	37.162.125	37.980.731	38.840.268
C. Sản phẩm túi xơ mướp					
1. Lượng sản phẩm si bán ra	90	90	90	90	90
2. Đơn giá si	232.700	232.700	232.700	232.700	232.700
3. Lượng sản phẩm lê bán ra	60	60	60	60	60
4. Đơn giá lê	268.500	268.500	268.500	268.500	268.500
5. Doanh thu	37.053.000	37.053.000	37.053.000	37.053.000	37.053.000
Tổng doanh thu	106.443.000	107.888.625	109.406.531	111.000.333	112.673.824

THÁNG						
THÁNG 6/2024	THÁNG 7/2024	THÁNG 8/2024	THÁNG 9/2024	THÁNG 10/2024	THÁNG 11/2024	THÁNG 12/2024
150	150	150	150	150	150	150
131.250	131.250	131.250	131.250	131.250	131.250	131.250
115	121	127	133	140	147	154
156.250	156.250	156.250	156.250	156.250	156.250	156.250
37.635.209	38.532.595	39.474.850	40.464.217	41.503.053	42.593.831	43.739.147
150	150	150	150	150	150	150
138.600	138.600	138.600	138.600	138.600	138.600	138.600

115	121	127	133	140	147	154
165.000	165.000	165.000	165.000	165.000	165.000	165.000
39.742.781	40.690.420	41.685.441	42.730.213	43.827.224	44.979.085	46.188.539
90	90	90	90	90	90	90
232.700	232.700	232.700	232.700	232.700	232.700	232.700
60	60	60	60	60	60	60
268.500	268.500	268.500	268.500	268.500	268.500	268.500
37.053.000	37.053.000	37.053.000	37.053.000	37.053.000	37.053.000	37.053.000
114.430.991	116.276.015	118.213.291	120.247.431	122.383.277	124.625.916	126.980.687

👉 Tổng doanh thu năm 2024: 1.390.569.921

❖ NĂM 2025 - 2029

Nội dung	Sản phẩm:				
	NĂM 2025	NĂM 2026	NĂM 2027	NĂM 2028	NĂM 2029
A. Sản phẩm dép len sơ mướp					
1. Lượng sản phẩm si bán ra	2.070	2.381	2.738	3.148	3.620
2. Đơn giá si	131.250	131.250	131.250	131.250	131.250
3. Lượng sản phẩm lê bán ra	2.124	2.443	2.809	3.231	3.715
4. Đơn giá lê	156.250	156.250	156.250	156.250	156.250
5. Doanh thu	603.600.232	694.140.266	798.261.306	918.000.502	1.055.700.578
B. sản phẩm dép thổ cẩm xơ mướp					
1. Lượng sản phẩm si bán ra	2.070	2.381	2.738	3.148	3.620
2. Đơn giá si	138.600	138.600	138.600	138.600	138.600
3. Lượng sản phẩm lê bán ra	2.124	2.443	2.809	3.231	3.715
4. Đơn giá lê	165.000	165.000	165.000	165.000	165.000
5. Doanh thu	637.401.845	733.012.121	842.963.940	969.408.530	1.114.819.810
C. Sản phẩm túi xơ mướp					
1. Lượng sản phẩm si bán ra	1.242	1.428	1.643	1.889	2.172
2. Đơn giá si	232.700	232.700	232.700	232.700	232.700
3. Lượng sản phẩm lê bán ra	828	952	1.095	1.259	1.448
4. Đơn giá lê	268.500	268.500	268.500	268.500	268.500
5. Doanh thu	511.331.400	588.031.110	676.235.777	777.671.143	894.321.814
Tổng doanh thu	1.752.333.476	2.015.183.498	2.317.461.022	2.665.080.176	3.064.842.202

✎ Dự kiến chi phí nguyên vật liệu tăng 5% sau mỗi năm, nhưng đơn giá bán dự án sẽ không tăng

✎ Dự kiến sản lượng tháng sau tăng 5% so với tháng trước trong năm 2024

✎ Dự kiến sản lượng năm sau tăng 15% so với năm trước từ năm 2024

3.7.6 Kết quả kinh doanh

❖ BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH HÀNG NĂM HỘ KINH DOANH NĂM 2024

STT	Khoản mục	THÁNG				
		THÁNG 1/2024	THÁNG 2/2024	THÁNG 3/2024	THÁNG 4/2024	THÁNG 5/2024
I	TỔNG DOANH THU	106.443.000	107.888.625	109.406.531	111.000.333	112.673.824
	Doanh thu bán hàng	106.443.000	107.888.625	109.406.531	111.000.333	112.673.824
II	TỔNG CHI PHÍ	104.862.935	105.506.238	106.181.706	106.890.948	107.635.652
1	Biến phí	49.054.935	49.698.238	50.373.706	51.082.948	51.827.652
	Chi phí đầu tư sản phẩm	44.265.000	44.843.250	45.450.413	46.087.933	46.757.330
-	CP điện, nước	1.064.430	1.078.886	1.094.065	1.110.003	1.126.738
	Chi phí văn phòng phẩm	532.215	539.443	547.033	555.002	563.369
-	CP Marketing	3.193.290	3.236.659	3.282.196	3.330.010	3.380.215
2	Định phí	55.808.000	55.808.000	55.808.000	55.808.000	55.808.000
-	CP tiền lương	39.000.000	39.000.000	39.000.000	39.000.000	39.000.000
-	CP khấu hao	7.808.000	7.808.000	7.808.000	7.808.000	7.808.000
-	CP lãi vay	-	-	-	-	-
-	CP thuê mặt bằng	8.000.000	8.000.000	8.000.000	8.000.000	8.000.000
-	Chi phí điện thoại, internet	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000
III.	Lợi nhuận trước thuế	1.580.065	2.382.387	3.224.825	4.109.385	5.038.173
-	Thuế môn bài	1.000.000				
-	Thuế GTGT (1%)	1.064.430	1.078.886	1.094.065	1.110.003	1.126.738
-	Thuế TNDN (0.5%)	532.215	539.443	547.033	555.002	563.369
IV.	Lợi nhuận sau thuế	(1.016.580)	764.058	1.583.727	2.444.380	3.348.065
	Lợi nhuận còn lại	(1.016.580)	764.058	1.583.727	2.444.380	3.348.065

THÁNG						
THÁNG 6/2024	THÁNG 7/2024	THÁNG 8/2024	THÁNG 9/2024	THÁNG 10/2024	THÁNG 11/2024	THÁNG 12/2024
114.430.991	116.276.015	118.213.291	120.247.431	122.383.277	124.625.916	126.980.687
114.430.991	116.276.015	118.213.291	120.247.431	122.383.277	124.625.916	126.980.687

108.417.591	109.238.627	110.100.714	111.005.907	111.956.358	112.954.333	114.002.206
52.609.591	53.430.627	54.292.714	55.197.907	56.148.358	57.146.333	58.194.206
47.460.196	48.198.206	48.973.116	49.786.772	50.641.111	51.538.166	52.480.075
1.144.310	1.162.760	1.182.133	1.202.474	1.223.833	1.246.259	1.269.807
572.155	581.380	591.066	601.237	611.916	623.130	634.903
3.432.930	3.488.280	3.546.399	3.607.423	3.671.498	3.738.777	3.809.421
55.808.000	55.808.000	55.808.000	55.808.000	55.808.000	55.808.000	55.808.000
39.000.000	39.000.000	39.000.000	39.000.000	39.000.000	39.000.000	39.000.000
7.808.000	7.808.000	7.808.000	7.808.000	7.808.000	7.808.000	7.808.000
-	-	-	-	-	-	-
8.000.000	8.000.000	8.000.000	8.000.000	8.000.000	8.000.000	8.000.000
1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000
6.013.400	7.037.388	8.112.576	9.241.524	10.426.919	11.671.583	12.978.481
1.144.310	1.162.760	1.182.133	1.202.474	1.223.833	1.246.259	1.269.807
572.155	581.380	591.066	601.237	611.916	623.130	634.903
4.296.935	5.293.248	6.339.377	7.437.812	8.591.170	9.802.195	11.073.771
4.296.935	5.293.248	6.339.377	7.437.812	8.591.170	9.802.195	11.073.771

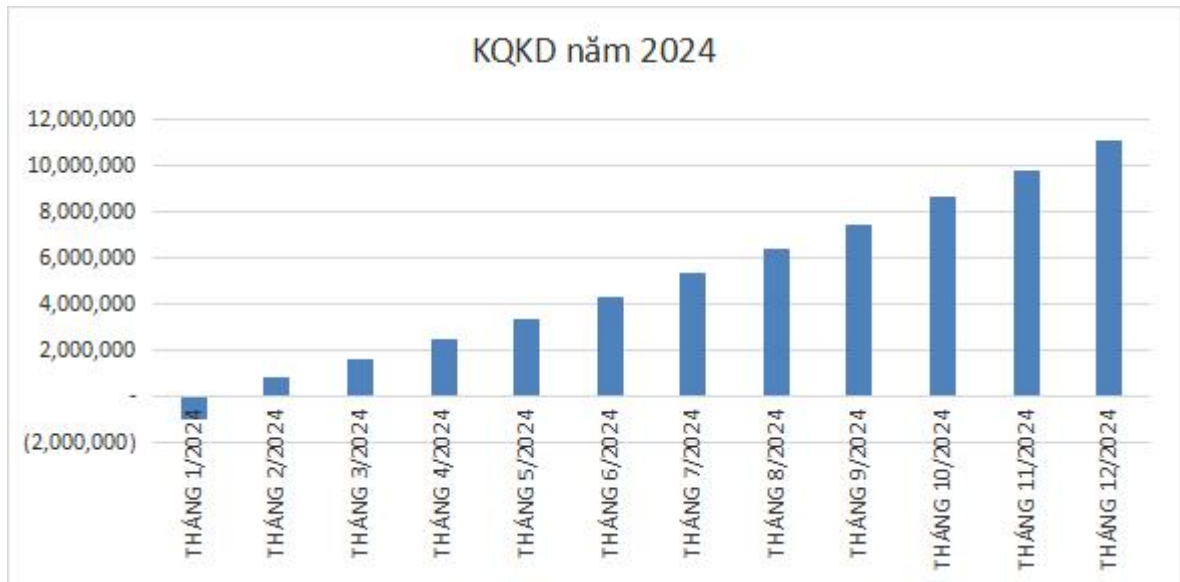
✎ Tổng lợi nhuận năm 2024: 59.958.157 đ

✎ Nguồn vốn cần có để khởi nghiệp: 395.776.000 đ

❖ BIỂU ĐỒ BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH HÀNG NĂM HỘ KINH DOANH NĂM 2024

THÁNG 1/2024	THÁNG 2/2024	THÁNG 3/2024	THÁNG 4/2024	THÁNG 5/2024
(1.016.580)	764.058	1.583.727	2.444.380	3.348.065

THÁNG 6/2024	THÁNG 7/2024	THÁNG 8/2024	THÁNG 9/2024	THÁNG 10/2024	THÁNG 11/2024	THÁNG 12/2024
4.296.935	5.293.248	6.339.377	7.437.812	8.591.170	9.802.195	11.073.771

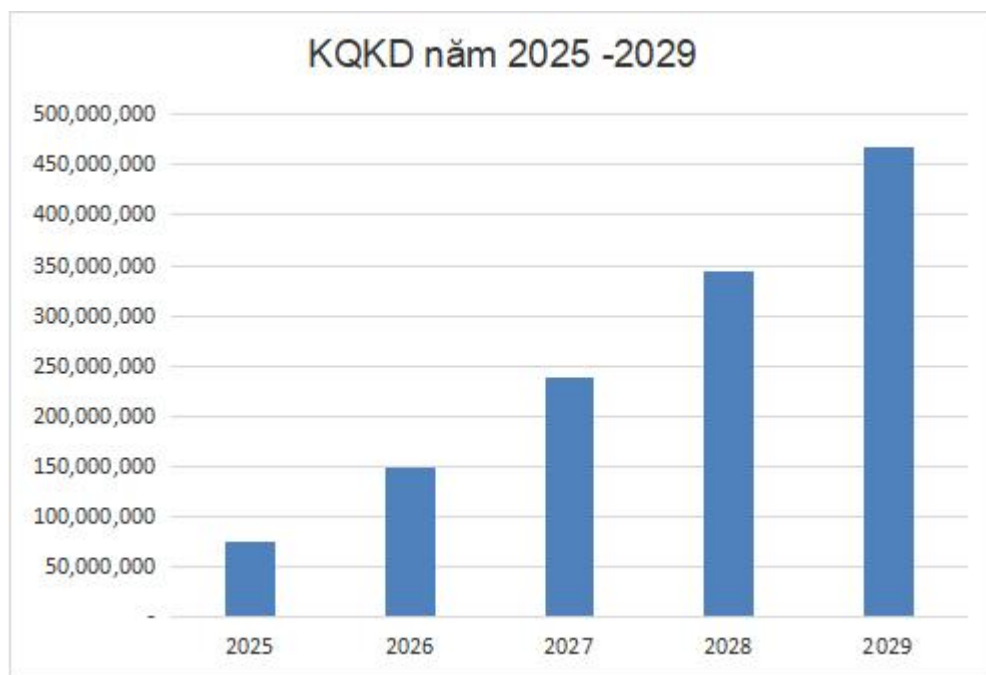


❖ **KẾT QUẢ KINH DOANH HÀNG NĂM HỘ KINH DOANH NĂM 2025-2029**

STT	Khoản mục	NĂM				
		2025	2026	2027	2028	2029
I	TỔNG DOANH THU	1.752.333.476	2.015.183.498	2.317.461.022	2.665.080.176	3.064.842.202
	Doanh thu bán hàng	1.752.333.476	2.015.183.498	2.317.461.022	2.665.080.176	3.064.842.202
II	TỔNG CHI PHÍ	1.649.638.683	1.834.356.411	2.043.635.457	2.280.842.411	2.549.816.657
1	Biến phí	803.080.037	923.542.043	1.062.073.349	1.221.384.351	1.404.592.004
	Chi phí đầu tư sản phẩm	724.225.031	832.858.785	957.787.603	1.101.455.743	1.266.674.105
-	CP điện, nước	17.523.335	20.151.835	23.174.610	26.650.802	30.648.422
	Chi phí vận phòng phẩm	8.761.667	10.075.917	11.587.305	13.325.401	15.324.211
-	CP Marketing	52.570.004	60.455.505	69.523.831	79.952.405	91.945.266
2	Định phí	846.558.646	910.814.369	981.562.109	1.059.458.059	1.145.224.653
-	CP tiền lương	620.400.000	682.440.000	750.684.000	825.752.400	908.327.640
-	CP khấu hao	113.696.000	113.696.000	113.696.000	113.696.000	113.696.000
-	CP lãi vay	-	-	-	-	-
-	CP thuê mặt bằng	96.000.000	96.000.000	96.000.000	96.000.000	96.000.000
-	Chi phí điện thoại, internet	16.462.646	18.678.369	21.182.109	24.009.659	27.201.013
III.	Lợi nhuận trước thuế	102.694.793	180.827.087	273.825.565	384.237.765	515.025.545
-	Thuế môn bài	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000
-	Thuế GTGT (1%)	17.523.335	20.151.835	23.174.610	26.650.802	30.648.422
-	Thuế TNCN (0.5%)	8.761.667	10.075.917	11.587.305	13.325.401	15.324.211
IV.	Lợi nhuận sau thuế	75.409.791	149.599.334	238.063.650	343.261.563	468.052.912
	Lợi nhuận còn lại	75.409.791	149.599.334	238.063.650	343.261.563	468.052.912

❖ **BIỂU ĐỒ KẾT QUẢ KINH DOANH HÀNG NĂM HỘ KINH DOANH NĂM 2025-2029**

2025	2026	2027	2028	2029
75.409.791	149.599.334	238.063.650	343.261.563	468.052.912



3.8. Tự đánh giá tác động của dự án:

Quy mô tiềm năng của dự án: Tăng quy mô phát triển tại các tỉnh thành

Tính khả thi của dự án: Dựa trên các bảng tài chính, nhóm đánh giá dự án này rất khả thi vì năm đầu triển khai đã đem lại lợi nhuận.

Tiềm năng lợi nhuận của dự án: Lợi nhuận từ việc bán sản phẩm.

Tính sáng tạo của dự án: Là những sản phẩm công năng mà còn hợp thời trang, đẹp mắt giúp mọi người có ánh nhìn đa sắc hơn về sản phẩm cũng như những sản phẩm làm từ xơ mướp. Khuyến khích nông dân trồng trọt, tạo việc làm thêm cho người lao động.

3.9. Chiến lược phát triển:

- Phương hướng mở rộng phát triển kinh doanh theo các chiến lược sau:
- Tạo việc làm cho người già, trung tâm khuyết tật, lao động phổ thông

- Mở workshop giới thiệu hàng tiêu dùng đến với khách hàng , hội chợ. Trung tâm thương mại....
- Chương trình phân phối nguyên phụ liệu cho khách hàng: như xơ mướp, vải thổ cẩm, vải nỉ, keo dán chuyên dùng, chỉ.....
- Dạy nghề miễn phí cho khách hàng tham gia trong chương trình khuyến mãi
- Đầu tư nhà xưởng sản xuất sản phẩm từ xơ mướp
- Phát triển thêm những sản phẩm mới từ xơ mướp:

KẾT LUẬN

Xơ mướp là nguyên liệu làm đẹp vừa rẻ, vừa thân thiện với môi trường và không sợ bị dị ứng. ai ngờ, từ vật liệu tưởng chừng như bỏ đi là xơ mướp, lại trở thành món hàng kinh doanh độc, lạ, gây sự chú ý của người tiêu dùng. Xơ mướp là sản phẩm tự nhiên thân thiện với môi trường đem lại giá trị sức khỏe cho người tiêu dùng. Sản phẩm Xơ mướp đã mang lại nghề cho nông dân và tạo dựng tiềm năng kinh tế hiệu quả cũng như thương hiệu nông nghiệp sạch Việt Nam. Người tiêu dùng trên thế giới đang có xu hướng quay trở lại với các sản phẩm có nguồn gốc từ thiên nhiên nhằm bảo vệ môi trường và sức khỏe con người. Trong bối cảnh đó, cần phát triển mô hình trồng mướp lấy xơ để làm ra các sản phẩm phục vụ người tiêu dùng nói riêng và nên công nghiệp xanh nói chung ngày càng phát triển.

Mách nhỏ cho các bạn, đây là những sản phẩm của dự án không khó mua chút nào, ngay cả khi bạn hãy thử ra vườn xem, chọn những quả mướp già là bạn đã có cho mình những miếng xơ mướp này rồi. Đây là một sản phẩm rất thú vị, tuy gần gũi nhưng vẫn không ít người chưa sử dụng và còn e ngại và đó sẽ là một điều đáng tiếc.

Vậy tại sao bạn không thử bỏ sung tận dụng công dụng của xơ mướp chăm sóc đôi chân của mình.